

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 22/2017/DS-PT

Ngày 03 tháng 7 năm 2017

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”, “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”...

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Luyên

Ông Trương Thành Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trần Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:* Ông Huỳnh Tiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại phòng xét xử số 01, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm số 30/2016/TLPT-DS về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”, “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” và “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST các ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017-QĐPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Các Nguyên đơn:

- Ông Lê Văn T - sinh năm 1960 (có mặt);

- Bà Lê Thị K - sinh năm 1954 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T, bà Lê Thị K:** Ông NVP - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Ninh Thuận (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê XT - sinh năm 1942 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn TT, xã PD, huyện TN.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn ông Lê XT:** Ông TĐK - Luật sư Văn phòng Luật sư X - Đoàn Luật sư tỉnh N.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Nguyên đơn:

- Bà Lê Thị X - sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

- Ông Lê Văn H - sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn H:** Ông TĐH - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Ninh Thuận (có mặt);

- Bà Lê Thị D - sinh năm 1929 (chết ngày 23/12/2016);

Địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị D:

1. Bà Lý Thị HM - sinh năm 1959 (vắng mặt);

2. Ông Lý Văn M- sinh năm 1964 (có mặt);

3. Ông Lý Văn K - sinh năm 1966 (vắng mặt);

4. Ông Lý Văn L - sinh năm 1968 (vắng mặt);

5. Ông Lý Văn S - sinh năm 1970 (vắng mặt);

6. Ông Lý Văn H - sinh năm 1972 (vắng mặt);

7. Bà Lý Thị HT- sinh năm 1974 (vắng mặt);

8. Ông Lý TB - sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

- Bà Lê Thị N - sinh năm 1937 (chết ngày 08/01/2017);

Địa chỉ: Thôn TT, xã PD, huyện TN;

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N:

1. Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1938 (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị B (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn R (vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Văn Tr (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt);

7. Bà Nguyễn Thị HT – sinh năm 1974 (có mặt);

8. Ông Nguyễn Văn TC (vắng mặt);

9. Bà Nguyễn Thị HTh (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

10. Bà Nguyễn Thị S (vắng mặt);

Địa chỉ: Xã CC, huyện TP, tỉnh BT.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan với Bị đơn:

1. Bà Trần Thị T - sinh năm 1948 (có mặt);

2. Bà Lê Thị H - sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn SH, xã PD, huyện TN;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan khác:

- Ủy ban nhân dân huyện A;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam:
Ông B - Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam:
Ông VVQ (Theo Giấy ủy quyền số 1xx4/UBND-NC ngày --/6/2017, vắng mặt);

Người kháng cáo:

- Ông Lê Văn T, bà Lê Thị K là Nguyên đơn;

- Ông Lê X là Bị đơn;

- Ông Lê Văn H, bà Lê Thị X là Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan với Nguyên đơn;

- Bà Trần Thị T là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K trình bày:

Cha ông bà tên Lê X có hai đời vợ. Người vợ thứ nhất tên là Nguyễn Thị Nh. Vợ chồng ông X bà Nh sinh được 02 người con chung là Lê Thị D, Lê Thị N. Bà Nh chết năm 1941. Sau khi bà Nh chết, ông X lấy vợ khác là bà Trần Thị C. Vợ chồng ông X bà C sinh được 05 người con chung tên là: Lê XT, Lê Thị K, Lê Văn H, Lê Thị X, Lê Văn Tr.

Quá trình sống chung, vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị C tạo lập được 01 căn nhà xây dựng trên 1.000 m² đất và 07 thửa đất nông nghiệp, trong đó có thửa đất số 20 và 37, tờ bản đồ số 05 xã PD, huyện TN.

Bà C chết năm 1996 không để lại di chúc. Ngày 30/9/2000 ông X lập Tờ di chúc có nội dung: Ông XT được chia nhà từ đường và một số đất đai, phần đất còn lại Ca đều cho ông, ông Lê Văn H, bà Lê Thị K và bà Lê Thị X. Ông Lê X chết năm 2006.

Sau khi ông X chết, ông Lê XT quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản của cha mẹ ông để lại. Quá trình quản lý đất, ông XT đã chuyển nhượng một số thửa đất của cha mẹ để lại cho một số người, hiện nay chỉ còn lại thửa đất số 20 và thửa

đất số 37, tờ bản đồ số 05 xã PD, huyện TN. Ông Lê XT quản lý, sử dụng thửa đất số 37 từ năm 1978 đến nay. Ông Lê Văn T quản lý, canh tác thửa đất số 20 từ năm 1975 đến năm 1993 ông lấy vợ và giao lại cho ông Lê XT quản lý, sử dụng thửa đất 20 này.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ca thừa kế tài sản của cha mẹ ông để lại là thửa đất số 20, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05 xã PD, huyện TN cho những người thừa kế là ông, ông Lê XT, ông Lê Văn H, bà Lê Thị K và bà Lê Thị X.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 00xxx2, số vào sổ 0xxx8/QSĐĐ/1xx5/QĐ/H/20xx ngày 1x/xx/200x do Ủy ban nhân dân huyện TN cấp cho hộ ông Lê XT được quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05 xã PD, huyện X;

- Bị đơn ông Lê XT trình bày:

Ông đồng ý với nội dung trình bày của Nguyên đơn ông Lê Văn T về về họ tên cha mẹ, các anh chị em ruột, tài sản chung của cha mẹ ông để lại. Ông không đồng ý với tờ di chúc do ông Lê Văn T, bà Lê Thị K cung cấp cho Tòa án, vì cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc của thửa đất số 20 tờ bản đồ số 05, xã PD, huyện TN là của cha mẹ bà Nguyễn Thị Nh cho vợ chồng ông Lê X bà Nguyễn Thị Nh. Sau đó ông Lê X cho vợ chồng ông canh tác từ năm 1975 đến nay. Hiện nay vợ chồng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 20 này. Khi ông Lê X cho vợ chồng ông thửa đất số 20 có diện tích khoảng 9.000 m². Trong quá trình canh tác, vợ chồng ông có khai hoang thêm xung quang nên hiện nay diện tích là 26.624 m². Việc khai hoang này không có giấy tờ.

Nguồn gốc thửa đất số 37 tờ bản đồ số 05, xã PD, huyện TN là của cha mẹ bà Trần Thị C cho vợ chồng ông canh từ năm 1975 cho đến nay. Vợ chồng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Sổ vào sổ 0xxx8/QSĐĐ/1xx5/QĐ/H/20xx ngày 1x/xx/200x.

Ông không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K.

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Nguyên đơn, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X trình bày:

Các ông bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K về họ tên cha mẹ, các anh chị em ruột và tài sản là di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Bị đơn, bà Trần Thị T trình bày: Bà là vợ ông Lê XT. Bà đồng ý với nội dung trình bày của Bị đơn

ông Lê XT, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Bị đơn, chị Lê Thị H trình bày: Chị là con đẻ của vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T. Chị đồng ý với nội dung trình bày của vợ chồng ông Lê XT bà Trần T. Trên thửa đất số 20 đang tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4 là tài sản riêng của chị. Diện tích đất gắn liền căn nhà này là của vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T cho chị mượn để làm nhà ở.

Nếu Tòa án giải quyết giao cho người khác nhận diện tích đất có căn nhà của chị thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người nhận đất phải hoàn trả giá trị nhà cho chị theo Biên bản định giá ngày 21/7/2015 của Hội đồng định giá.

Nếu diện tích đất gắn liền nhà không nằm trong diện tích đất tranh chấp hay thuộc quyền sử dụng của cha mẹ chị thì chị rút lại yêu cầu này.

Tại Biên bản làm việc ngày 29/4/2016, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác bà Lê Thị D, Lê Thị N trình bày: Các bà là con đẻ của ông Lê X và bà Nguyễn Thị Nh. Các bà xác nhận nội dung lời khai của Nguyên đơn ông Lê Văn T về họ tên cha mẹ, các anh chị em cùng cha khác mẹ, cùng cha cùng mẹ và di sản thừa kế của ông Lê X bà Trần Thị C để lại là đúng sự thật. Riêng nguồn gốc thửa đất số 20 là của ông bà ngoại của các bà (Cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Nh) cho vợ chồng ông Lê XT bà Nguyễn Thị Nh. Việc cho đất này chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Nếu Tòa án chia thừa kế thửa đất số 20 thì các bà yêu cầu được nhận thừa kế bằng giá trị là tiên theo quy định pháp luật. Đối với thửa đất số 37, nhà từ đường và các tài sản khác của ông Lê X thì các bà không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị D là ông Lý Văn M, Lý TB trình bày: Các ông là con của bà Lê Thị D. Khi bà Lê Thị D còn sống các ông có nghe bà Lê Thị D nói thửa đất số 20 là của ông bà cố ngoại (Cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Nh) để lại cho vợ chồng ông Lê X bà Nguyễn Thị Nh. Các ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị D là bà Lý Thị HM, ông Lý Văn K, ông Lý Văn L, ông Lý Văn S, ông Lý Văn H, bà Lý Thị HT đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N là bà Nguyễn Thị HT trình bày: Bà là con đẻ của bà Lê Thị N. Khi bà Lê Thị N còn sống bà có nghe bà Lê Thị N nói thửa đất số 20 là của ông bà cố ngoại (Cha mẹ ruột của bà Nh) để lại cho vợ chồng ông Lê X bà Nguyễn Thị Nh. Bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N là ông Nguyễn Văn N là chồng bà Lê Thị N, các con đẻ của bà N là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn Tr, Bà Nguyễn Thị L, Bà Nguyễn Thị HT, ông Nguyễn Văn TC, bà Nguyễn Thị HTh, bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Ủy ban nhân dân huyện TN ủy quyền cho ông VVQ trình bày: Căn cứ vào Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/4/2003 của hộ Lê XT có xác nhận của UBND xã PD với nội dung: Hộ ông Lê XT sử dụng thửa đất số 3x, diện tích 8.906 m² tờ bản đồ địa chính số 0x xã PD ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở địa phương; Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 27/10/2013 được Phòng Nông nghiệp – Địa chính (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường) xác nhận, có nội dung: Hộ ông Lê XT đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê XT được quyền sử dụng đất là đúng quy trình, thủ tục. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện TN không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyên đơn ông Lê Văn T bà Lê Thị K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 19/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện TN đã quyết định:

Áp dụng: Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 68, khoản 3 Điều 147; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm h khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2005; Các Điều 631, 645, 646, 652, 653, 666, 668 Bộ luật Dân sự; Khoản 1, 6 Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH13; Pháp lệnh án phí, lệ phí của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Án lệ số 05/2016/AL; Điều 6 Thông tư L tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X, bà Lê Thị N, bà Lê Thị D.

- Chia cho ông Lê XT 3.027,5 m² thuộc một phần thửa đất số 37 theo trích lục số 119 gồm: Thửa 70 diện tích 1.288 m²; Thửa 72 diện tích 570 m²; Thửa 73 diện tích 317 m²; Thửa 69 diện tích 836 m² và 16,5 m² thuộc một phần thửa đất số 71. Hiện trạng các thửa đất này là địa nuôi tôm bỏ hoang (Kèm theo trích lục số 119).

- Chia hiện vật cho: Ông Lê Văn T thửa số 20 diện tích 2.122 m² và diện tích 1.379 m² thuộc một phần thửa đất số 20b;

Bà Lê Thị K thửa đất số 20 a diện tích 1.995 m²

Ông Lê Văn H thửa đất 20 e diện tích 3.038 m²;

Bà Lê Thị X thừa đất số 20 c diện tích 1.880 m² (Kèm theo trích lục số 118);

- Ca cho bà Lê Thị D, bà Lê Thị N mỗi người được nhận giá trị đất là 1.482 m² x 35.000 đồng/m² = 51.870.000 đồng;

- Buộc ông Lê Văn T bù chênh lệch cho bà Lê Thị D 49.472.500 đồng; Ông Lê Văn H bù chênh lệch cho bà Lê Thị N 33.267.500 đồng; Ông Lê XT bù chênh lệch cho bà Lê Thị K 4.637.500 đồng, bà Lê Thị X 7.262.500 đồng, bà Lê Thị D 2.397.500 đồng và bà Lê Thị N 18.602.500 đồng;

- Buộc ông Lê XT, bà Trần Thị T phải giao hiện vật là các phần di sản thừa kế đang quản lý như đã chia ở trên cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X;

- Bác yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 006882 của UBND huyện TN cấp ngày 15/02/2004;

- Bác yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X về việc buộc ông XT phải khôi phục hiện trạng đất ban đầu;

- Đình chỉ giải quyết đối với phần di sản 7.410 m² đất thuộc một phần thửa đất số 20 và 2.162,5 m² đất thuộc một phần thửa đất số 37 tờ bản đồ số 05 xã Phước Dinh của bà Trần Thị C;

- Chấp nhận chị Lê Thị H rút yêu cầu độc lập về thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản. Đình chỉ giải quyết yêu cầu trên của chị Lê Thị H.

Các đương sự được quyền khởi kiện đối với các nội dung đã đình chỉ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; C phí định giá tài sản; lãi suất chậm thi hành án; quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01 tháng 9 năm 2016, Nguyên đơn ông Lê Văn Triển, bà Lê Thị K; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Lê Thị X làm đơn kháng cáo và nộp đơn kháng cáo cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 15-19/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

Ngày 30 tháng 8 năm 2016, Bị đơn ông Lê XT, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn bà Trần Thị T làm đơn kháng cáo và nộp đơn kháng cáo cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 15-19/08/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/12/2016 Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Lê Thị D chết, không để lại di chúc. Chồng của bà Lê Thị D là ông Lý Văn Đ chết năm 1993. Bà Lê Thị D không có con nuôi, chỉ có 08 người con đẻ là Lý Thị HM, Lý Văn M, Lý Văn K, Lý Văn L, Lý Văn S, Lý Văn H, Lý Thị HT, Lý TB.

Ngày 08/01/2017 Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Lê Thị N chết, không để lại di chúc. Chồng của bà N là ông Nguyễn Văn N. Bà Lê Thị N không có con nuôi, có 09 người con đẻ là Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị HT, Nguyễn Văn TC, Nguyễn Thị HTh, Nguyễn Thị S.

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự; Các con đẻ của bà Lê Thị D là Lý Thị HM, Lý Văn M, Lý Văn K, Lý Văn L, Lý Văn S, Lý Văn H, Lý Thị HT, Lý TB là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị D; Chồng của bà Lê Thị N là ông Nguyễn Văn N, các con đẻ của bà N là Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị HT, Nguyễn Văn TC, Nguyễn Thị HTh, Nguyễn Thị S là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N.

Bà Lý Thị HM, ông Lý Văn K, ông Lý Văn L, ông Lý Văn S, ông Lý Văn H, bà Lý Thị HT; ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn TC, bà Nguyễn Thị HTh, bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2017 nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện TN có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 260); Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt những người này.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 23/5/2017 các Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và rút đơn kháng cáo (BL 246 - 247);

Ngày 23/5/2017, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Lê Thị X có đơn xin rút kháng cáo (BL 246 - 245);

Ngày 12/6/2017, Bị đơn ông Lê XT, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn bà Trần Thị T có Bản trình bày ý kiến có nội dung: Không rút kháng cáo; Không đồng ý với việc Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K rút đơn khởi kiện; Không đồng ý với việc Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Lê Thị X rút đơn kháng cáo (BL 250).

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Những người kháng cáo ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X, ông Lê XT, bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp di sản thừa kế”, “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản” được quy định trong Bộ luật dân sự 2005 là có cơ sở và đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NVP - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Ninh Thuận là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K; ông TĐH - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Ninh Thuận là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn H; Luật sư TĐT - Luật sư Văn phòng luật sư X - Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn ông Lê XT tranh luận tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Lê Thị KH là con đẻ của ông Lê Văn O, là người thừa kế thế vị; không đưa C nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát T nông thôn huyện Ninh Phước vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về: Thủ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu T những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X, ông Lê XT và bà Trần Thị T làm trong hạn luật định. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết là có căn cứ.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Lê Thị KH là con đẻ của ông Lê Văn O, là người thừa kế thế vị; không đưa chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ninh Phước vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017 (BL 242) vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T và tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017 (BL 241) các ông bà Lê Văn T, Lê Thị K, Lê Thị X và ông Lê Văn H trình bày: Vợ chồng ông Lê X bà Trần Thị C sinh được 07 người con đẻ là: Lê XT, Lê Thị K, Lê Văn H, Lê Thị X, Lê Văn T, Lê Văn O (ông O đã chết năm 1975. Ông Lê Văn O có vợ là bà Võ Thị N, vợ chồng ông Lê Văn O bà Võ Thị N sinh được 01 người con là chị Lê Thị KH - sinh năm 1974), Lê Văn TN chết khi còn nhỏ, chưa có vợ con.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận lập tại nhà chị Lê Thị KH, có sự chứng kiến của ông NBL – Công an viên xã NS (BL 254), bà Võ Thị N – sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn NH 02, xã NS, huyện NS trình bày: Bà là vợ ông Lê Văn O, sinh năm 1954. Ông Lê Văn O là con đẻ của vợ chồng ông Lê X bà Trần Thị C. Các ông bà Lê Văn T, Lê Văn H, Lê Thị K, Lê Thị X, Lê XT là anh chị em ruột của ông Lê Văn O. Bà và ông Lê Văn O sinh được 01 người con chung là Lê Thị KH. Ông Lê Văn O đã mất tích từ năm 1975 đến nay và gia đình xem như ông Lê Văn O đã chết. Sau khi ông Lê Văn O chết, bà lấy chồng khác và đưa chị Lê Thị KH về sống chung tại xã NS. Khi bà Trần Thị C, ông Lê X chết, hai mẹ con bà có về để tang. Hàng năm cúng giỗ, hai mẹ con bà đều về nhà từ đường để cúng giỗ. Vào khoảng năm 2007 – 2008, khi những người con của vợ chồng ông Lê X bà Trần Thị C bán đất của vợ chồng ông Lê X bà Trần Thị C để lại có chia cho Lê Thị KH khoảng 8.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại nhà chị Lê Thị KH, có sự chứng kiến của ông NBL – Công an viên xã NS (BL 255), chị Lê Thị KH – sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn NH 01, xã NS, huyện NS trình bày: Chị là con đẻ của vợ chồng ông Lê Văn O bà Võ Thị N. Chị sinh ngày 23/5/1974. Ông bà nội của chị tên là Lê X Trần Thị C; các ông bà Lê Văn T, Lê Văn H, Lê Thị K, Lê Thị X, Lê XT là anh chị em ruột của cha chị.

Chị được biết ông bà nội của chị có để lại tài sản là nhà đất tại xã PD, huyện TN, nhưng chị không biết hiện nay ai đang quản lý di sản của ông bà nội để lại. Cách đây khoảng 10 năm, ông Lê XT có cho chị 7.000.000 đồng và nói là bán đất của ông bà Ca cho chị, còn ông Lê Văn T cho chị 1.000.000 đồng. Chị không biết việc ông Lê XT, ông Lê Văn T, ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, bà Lê Thị X tranh chấp di sản của ông bà nội chị để lại và cũng không biết lý do tại sao Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến của chị về việc tranh chấp di sản của vợ chồng ông Lê X bà Trần Thị C chết để lại. Chị không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chia di sản của ông Lê X bà Trần Thị C, nhưng không chia di sản cho chị vì chị có quyền được hưởng phần di sản của ông Lê Văn O được hưởng của ông Lê X bà Trần Thị C. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật giải quyết cho chị được hưởng di sản của ông bà nội chị để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X và vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T đều xác nhận nội dung trình bày của bà Võ Thị N và chị Lê Thị KH là đúng sự thật.

- Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê XT nộp vào ngày 30/6/2015 cho Tòa án nhân dân huyện TN (BL 38, 39) có nội dung: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện NP theo Hợp đồng số 090292014/HĐTC ký ngày 18/8/2014, có dấu xác nhận của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T xác nhận: Ngày 18/8/2014, vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00418/QSĐĐ/1215/QĐ/H/2003 do Ủy ban nhân dân huyện NP cấp ngày 11/02/2004 cho hộ ông Lê XT được quyền sử dụng 8.906 m² đất, thửa số 37, tờ bản đồ số 05 xã PD, huyện TN cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện NP để vay tiền. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hiện nay vẫn được thế chấp tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện NP.

Căn cứ Điều 677 Bộ luật dân sự 2005, chị Lê Thị KH là người thừa kế thế vị của ông Lê Văn O đối với phần di sản ông Lê Văn O được nhận của ông Lê X. Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Lê X để lại, nhưng không đưa chị Lê Thị KH vào tham gia tố tụng; Chia thừa kế một phần diện tích đất của thửa số 37, tờ bản đồ số 05 xã PD, khi thửa đất này vợ chồng ông XT bà T đang thế chấp tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và

phát triển nông thôn huyện NP nhưng không đưa Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện NP vào tham gia tổ tụng là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tổ tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị KH, của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện NP.

Ngoài các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tổ tụng nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm còn có các sai sót như sau:

- Tại Trích lục Bản đồ địa chính số 118 ngày 15/3/2016 do Văn phòng đăng ký đất đai NT - Chi nhánh TN cấp (kèm theo Bản án sơ thẩm) thể hiện: Thửa đất số 20b có diện tích 1.719 m². Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Lê Văn T được quyền sử dụng 1.379 m² thuộc một phần thửa đất số 20b nhưng không xác định vị trí, ranh giới, cự ly các cạnh của 1.379 m² đất này; Tại Trích lục Bản đồ địa chính số 119 ngày 15/3/2016 do Văn phòng đăng ký đất đai NT - Chi nhánh TN cấp (kèm theo Bản án sơ thẩm) thể hiện: Thửa đất số 71 có diện tích 985 m². Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Lê XT được quyền sử dụng 16,5 m² thuộc một phần thửa đất số 71, nhưng không xác định vị trí, ranh giới, cự ly các cạnh của 16,5 m² đất này là tuyên án không rõ ràng, khó khăn cho việc thi hành án.

Ở phần góc trái phía trên của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm ghi “ngày 15 – 19/8/2016” là không đúng Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, nội dung tranh luận của các Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Ninh Thuận là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H và nội dung tranh luận của Luật sư TĐK là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn ông Lê XT là có cơ sở. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa; Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy án nên không xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X, vợ chồng ông Lê XT bà Trần Thị T.

Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ các vấn đề sau đây:

Tại Biên bản lấy ý kiến của ông Lê XT ngày 21/6/2017 về nội dung đơn xin ngăn chặn của ông Lê Văn T (BL 261 - 262), ông Lê XT trình bày: Thửa đất ông Lê Văn T có đơn khởi kiện ông Lê XT, hiện ông Lê XT đang cho ông Cường thuê để làm địa tôm. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ

00418/QSDD/1215/QĐ/H/2003 cấp ngày 11/02/2004 cho hộ ông Lê XT. Vì vậy cần làm rõ thực tế hiện nay ai đang trực tiếp canh tác diện tích đất đang tranh chấp để đưa họ vào tham gia tố tụng, đồng thời phải áp dụng Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 để xác định thời hiệu thừa kế.

- Về chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm là 4.450.000 đồng và C phí định giá tài sản tại Tòa án cấp phúc thẩm là 4.780.000 đồng do ông Lê Văn T tạm nộp sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X, ông Lê XT và bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

- **Tuyên xử:** Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- **Về án phí:**

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị X 800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Lê Văn T nộp, theo Biên lai thu số 0005731 ngày 01/9/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận;

Vợ chồng ông Lê XT, bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại vợ chồng cho ông Lê XT bà Trần Thị T 400.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Trần Thị T nộp, theo Biên lai thu số 0005736 ngày 12/9/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận;

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện TN;
- C cục THADS huyện TN;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn, tổ HCTP;

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Bích Hồng